

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN T - TỈNH  
LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

**Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Trần Thị Năm

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Công chức  
Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/12/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 5B, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

**2. Bị đơn:** Lê Thanh H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp Ngọc A, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long An (vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1981

Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim L trình bày nội dung vụ kiện như sau:*

Chị L và anh H tự nguyện chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T vào năm 2013. Sau khi về chung sống với nhau, chị và anh H sống hạnh phúc trong khoảng 02 năm đầu. Sau đó giữa chị L và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đến nay, chị và anh H không còn sống chung nữa, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không còn. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn, chị đồng ý theo nguyện vọng của con chung, nếu con mong muốn được ai nuôi dưỡng thì người đó sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng. Trong trường hợp con chung mong muốn sống chung với chị L thì chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Thanh H trình bày tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với phần trình bày của chị L về việc anh chị chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T vào năm 2013. Hiện nay, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L vì lý do anh H vẫn còn thương chị L.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 22/12/2012. Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con chung, con chung mong muốn được ai nuôi dưỡng thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tại bản tự khai ngày 21/12/2020, anh H trình bày anh và chị L có các khoản nợ như sau: Nợ tiền của anh Nguyễn Hoàng L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nợ anh Nguyễn Hoàng T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh Nguyễn Đức Tr số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh H cùng trả nợ chung.

Tại phiên hòa giải ngày 02/3/2020, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Anh Nguyễn Hoàng L: anh Nguyễn Hoàng L không có ý kiến, yêu cầu độc lập.

Anh Nguyễn Hoàng T có văn bản trình bày ý kiến như sau: anh Lê Thanh H có mượn của anh T số tiền 100.000.000đ. Số tiền này anh T sẽ thỏa thuận với anh H, nếu không trả sẽ khởi kiện sau.

Anh Nguyễn Đức Tr có văn bản trình bày ý kiến như sau: anh Lê Thanh H có mượn của anh Tr số tiền 300.000.000đ. Hiện tại thì anh Tr không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Anh Tr sẽ để chị L và anh H tự thỏa thuận trả cho anh Tr, nếu không trả anh sẽ khởi kiện sau.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: bị đơn Lê Thanh H vắng mặt nhưng xét thấy anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Đức Tr vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, có căn cứ xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37/2013, quyển số 01 năm 2012, tại UBND xã Hậu Thạnh T. Do đó, hôn nhân của chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của chị L và anh H, theo trình bày của chị L, sau khi kết hôn khoảng hai năm thì giữa chị và anh H thường xuyên mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc do anh H thường xuyên mắng chửi vợ con và anh còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị L đã nộp đơn xin ly hôn vào năm 2017 và đã được Tòa án nhân dân huyện Tân T thụ lý. Sau đó, chị đã rút đơn xin ly hôn do anh H xin chị cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm, anh hứa sẽ thay đổi. Tòa án đã ban hành quyết định số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2017 về việc đình chỉ giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa chị L và anh H. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn, anh H không sửa đổi nên giữa chị và anh H vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị L và anh H đã sống ly thân nhau. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp nào để chị L thay đổi quan điểm xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn.

Xét thấy giữa chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn với nhau trong thời gian dài, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn do anh H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị L và anh H có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 22/12/2012. Anh H và chị L đều thống nhất con có nguyện vọng theo ai sẽ do người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lê Minh T có văn bản trình bày ý kiến khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống cùng mẹ. Do đó, cần giao cháu Lê Minh T cho chị Nguyễn Thị Kim L có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L trình bày chị và anh H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày anh H và chị L có nợ ông Nguyễn Hoàng L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), anh Nguyễn Hoàng T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh Nguyễn Đức Tr số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Anh H yêu cầu chị L cùng trả nợ chung. Chị L không đồng ý với lý do chị không vay tiền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh H tự vay mượn làm gì chị không biết. Anh L, Anh T, anh Tr đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mời họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã có văn bản trình bày các anh không có ý kiến, yêu cầu độc lập trong vụ án và đề

ngợi Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên hòa giải ngày 03/02/2021, anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chung. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt và không có ý kiến gì khác. Do đó, hiện nay Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự trong vụ án khác nếu có tranh chấp.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51; Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 22/12/2012.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001308 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**

- Toà án tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Ngọc Ánh**